

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 25/2025/HSST
Ngày: 05 - 5 - 2025.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hoa

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đoàn Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Xuân T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 4 năm 2006 tại huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: thôn G T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T1, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Vợ, con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Lịch sử bản thân:

+ Tại Bản án số 32/2023/HS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, Phạm Xuân T bị xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, buộc T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, ngày 07/02/2024, T đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Tuy nhiên, thời điểm T phạm tội, T mới 17 tuổi 5 tháng nên Bản án trên không tính là án tích của T.

Bị cáo Phạm Xuân T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

- *Bị hại:* ông Lê Văn N, sinh năm 1957, trú tại khu D, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1984, trú tại khu E, xã T, huyện T (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân T, sinh năm 2006, trú tại thôn G X, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng hiện đang sinh sống và làm việc tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/02/2025, trên đường đi làm, T phát hiện trên vỉa hè bên phải đường tỉnh ĐT.317C, đối diện với cửa hàng X thuộc địa phận khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu trắng - đen, biển số 19L1-287.08 của ông Lê Văn N, sinh năm 1957, trú tại khu D, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ dựng trên vỉa hè, chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá điện, xung quanh không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó, T về nhà trọ cất xe rồi đi bộ quay lại gần vị trí dựng chiếc xe mô tô biển số 19L1-287.08 và ngồi ở vỉa hè để quan sát. Một lúc sau, nhận thấy không có ai để ý, T đi lại chỗ chiếc xe mô tô trên, mở khoá điện, nổ máy rồi điều khiển xe mô tô theo đường tỉnh lộ ĐT.317G đi về hướng xã Đ. Trên đường đi, để tránh bị phát hiện, T mở cốp xe, lấy cơ lê tháo biển số xe, rồi cởi áo khoác quần biển số xe lại mang vứt tại bãi rác thuộc khu A, xã H, huyện T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô không có biển số đến quán sửa chữa xe mô tô tại khu B, xã H do anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1984, trú tại khu E, xã T, huyện T làm chủ, yêu cầu anh T2 dán đề can cho xe, chuyển từ màu trắng sang màu hồng, rồi tháo yếm và phần vỏ nhựa ốp sườn xe ra để dán lại đề can, còn T điều khiển xe mô tô không biển số, không yếm, không vỏ nhựa ốp sườn xe về lại nhà trọ. Sau khi phát hiện mất xe, ông N đã trình báo Cơ quan Công an.

Đến khoảng 19 giờ ngày 08/02/2025, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T triệu tập làm việc, quá trình triệu tập, T tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên.

Căn cứ vào lời khai của Phạm Xuân T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh, thu giữ:

+ Tại bãi rác ở khu A, xã H, huyện T: 01 biển số xe mô tô 19L1 - 287.08 và 01 áo khoác nỉ màu đen, trắng.

+ Tại cửa hàng của anh Nguyễn Quốc T2 ở khu B, xã H, huyện T: Yếm và phần vỏ nhựa ốp sườn của xe mô tô biển số 19L1-287.08.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 12/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T kết luận: Giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu trắng - đen, biển số 19L1-287.08 là 13.000.000đ.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKSTT ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/02/2025.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng bên trong lắp sim số điện thoại 0867527299 tạm giữ của bị cáo, nhưng tạm giữ để bảo quản thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác dài tay, phần cánh tay áo màu trắng, cổ tay áo sọc trắng đen của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19L1-287.08 Đăng ký xe số 19000345 cùng các dụng cụ sửa chữa xe máy, các phụ tùng của xe đã bị tháo rời cho chủ sở hữu. Bị hại ông Lê Văn N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Về án phí: Bị cáo Phạm Xuân T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền về trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên toà đều thống nhất với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 08/02/2025, tại khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, bị cáo Phạm Xuân T đã trộm cắp 01 xe mô tô biển số 19L1-287.08 trị giá 13.000.000đ của ông Lê Văn N.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được luật hình sự bảo vệ mà mọi hành vi xâm phạm đến đều bị xử lý. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, bị pháp luật ngăn cấm, bị xã hội lên án nhưng vẫn thực hiện. Mục đích của bị cáo là trộm cắp tài sản của người khác đem bán kiếm tiền để tiêu sài cá nhân. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân: Tại Bản án số 32/2023/HS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, bị cáo đã bị xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, ngày 07/02/2024, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Tuy nhiên, thời điểm bị cáo phạm tội, bị cáo mới 17 tuổi 5 tháng nên Bản án trên không tính là án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập, bị cáo đã tự giác giao nộp tài sản trộm cắp được, do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Bị cáo đã bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình mà còn tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo, và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Qua xác minh của cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng gì có giá trị. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, bên trong lắp sim số điện thoại 0867527299, điện thoại cũ đã qua sử dụng tạm giữ của bị cáo, xác định đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 01 chiếc áo khoác dài tay, phần cánh tay áo màu trắng, cổ tay áo sọc trắng đen; phần thân áo màu đen, mặt trước phần thân áo thêu chữ “F” và số “5” màu trắng, kích thước (0,7x1,5)m thu giữ của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy do chiếc áo khoác đã cũ bẩn, không còn giá trị sử dụng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave A, màu trắng - đen, không biển số xe, không yếm, không vỏ nhựa ốp sườn xe, số khung RLHJA3922MY020135, số máy JA39E-2136147 tạm giữ của Tót, là tài sản Tót trộm cắp của ông N, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thiên N1 là con dâu ông N, cơ quan CSĐT đã trả lại xe, Biển kiểm soát 19L1 -287.08, Đăng ký xe số 19000345 cùng các dụng cụ sửa chữa xe máy, các phụ tùng của xe đã bị tháo rời là đúng pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Văn N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với: Anh Nguyễn Quốc T2 - chủ cửa hàng sửa chữa xe mô tô nơi bị cáo Phạm Xuân T mang xe trộm cắp được đến dán lại đề can, qua điều tra xác định, bị cáo T không nói và anh T2 cũng không biết chiếc xe mô tô trên do trộm cắp mà có, nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện T không đề cập xử lý anh T2 là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các quyết định Tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy tại phiên toà phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

* Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/02/2025.

* Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, bên trong lắp sim số điện thoại 0867.527.299, điện thoại cũ đã qua sử dụng được đựng trong 01 bì thư giấy dán kín tại các mép dán có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và được đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, mặt trước bì thư ghi nội dung: “Điện thoại tạm giữ của Phạm Xuân T SN: 2006 HKTT: Thôn G X, xã T, huyện T, TP Hải Phòng liên quan vụ trộm cắp tài sản ngày 8/2/2025 tại khu B xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ”, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác dài tay, phần cánh tay áo màu trắng, cổ tay áo sọc trắng đen; phần thân áo màu đen, mặt trước phần thân áo thêu chữ “F” và số “5” màu trắng, kích thước (0,7x1,5)m.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2025).

* Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19L1-287.08 Đăng ký xe số 19000345 cùng các dụng cụ sửa chữa xe máy, các phụ tùng của xe đã bị tháo rời cho chủ sở hữu.

(Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 21/02/2025)

Xác nhận việc bị hại ông Lê Văn N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Xuân T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Tân Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (TB);
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa